

Số: 471/BC-SNNMT

Tuyên Quang, ngày 15 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả sản xuất chăn nuôi năm 2026 và đề xuất mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 về hướng dẫn chi tiết thi hành Luật Chăn nuôi; Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi; Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Thông tư số 22/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 Hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về quản lý giống và sản phẩm giống vật nuôi; Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 về hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi; Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 Hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 10/2/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành danh mục Quyết định Quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khoá XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10.

Căn cứ kết quả rà soát và báo cáo của Ủy ban nhân dân các xã, phường. Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo đánh giá kết quả phát triển sản xuất chăn nuôi và đề xuất mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030 như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT VÀ MÔI TRƯỜNG CHĂN NUÔI

1. Kết quả sản xuất chăn nuôi

a) Hiện trạng chăn nuôi gia súc, gia cầm và sản lượng thịt hơi:

Theo số liệu báo cáo của Ủy ban nhân dân các xã, phường số lượng đàn gia súc, gia cầm đến thời điểm tháng 4 năm 2026, cụ thể như sau:

Đàn trâu 154.420 con; đàn bò 151.921 con (trong đó bò sữa 6.700 con; bò vàng là 145.221 con); đàn lợn 1.022.458 con; đàn gia cầm 10.802 nghìn con; đàn dê 172.077 con.

(Có Biểu số 01 chi tiết kèm theo)

Tuyên Quang là tỉnh miền núi có nhiều điều kiện để phát triển chăn nuôi do diện tích đất nông nghiệp tương đối lớn (chiếm 88,7%). Trong những năm qua ngành chăn nuôi của tỉnh luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, vì vậy ngành chăn nuôi đã phát triển ổn định. Hiện trên địa bàn tỉnh có 1.151 trang trại chăn nuôi, trong đó: 12 trang trại chăn nuôi quy mô lớn; 64 trang trại chăn nuôi quy mô vừa; 1.077 trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ. Toàn tỉnh hiện có 08 trang trại chăn nuôi quy mô lớn được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi, số cơ sở chăn nuôi được Chứng nhận an toàn dịch bệnh là 10 cơ sở.

Chăn nuôi trâu: Qua nhiều năm con trâu luôn gắn bó với người nông dân Tuyên Quang, đặc biệt là tỉnh có vùng chăn nuôi trâu Ngổ tại Chiêm Hóa, là giống trâu được đánh giá là có nguồn ghen quý cần được bảo tồn và phát triển. Bên cạnh đó việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất cũng được đẩy mạnh nên chất lượng giống đã được cải thiện rõ rệt, tăng tầm vóc và khối lượng, khả năng tăng trưởng cao hơn 20-30% so với phối giống trực tiếp; hàng năm có trên 1.000 con nghé được sinh ra từ phương pháp thụ tinh nhân tạo. Công tác bảo tồn và phát triển nguồn gen trâu tại Chiêm Hóa và hoàn thành chỉ dẫn địa lý “thịt trâu Chiêm Hóa”, tạo nền tảng khẳng định thương hiệu và nâng cao giá trị sản phẩm. Tuy nhiên trong vài năm trở lại đây do quá trình cơ giới hóa, do chuyển đổi nghề trong sản xuất (lao động dịch chuyển sang làm việc tại các khu công nghiệp), do diện tích bãi chăn thả ngày càng thu hẹp nên đàn trâu của tỉnh ngày càng có xu hướng giảm.

Chăn nuôi bò vàng: Phát triển bò vàng trên địa bàn được triển khai đồng bộ theo hướng sản xuất hàng hóa, từ quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung, bảo tồn và phát triển giống bò H'Mông, ứng dụng công nghệ sinh sản, thụ tinh nhân tạo đến xây dựng các mô hình chăn nuôi thí điểm nâng cao chất lượng thịt. Công tác cải tạo giống được đẩy mạnh thông qua thụ tinh nhân tạo, hàng năm đã phối giống nhân tạo và có trên 4.000 con bê được sinh ra từ phương pháp này. Đã khai thác hiệu quả chỉ dẫn địa lý “Thịt bò Hà Giang” với 02 sản phẩm được chứng nhận OCOP 3 sao. Sản phẩm thịt bò vàng đã được tiêu thụ tại nhiều tỉnh, thành phố, góp phần duy trì nghề truyền thống, nâng cao đời sống người dân, tạo việc làm và thu nhập ổn định.

Chăn nuôi bò sữa: Chăn nuôi bò sữa tại tỉnh Tuyên Quang tập trung tại 03 trang trại chăn nuôi với quy mô trên 2.000 con/trang trại, chăn nuôi theo hướng công nghiệp nên các trang trại đã có sự đầu tư và áp dụng những tiến bộ khoa học tiên tiến vào chăn nuôi như: Cơ sở vật chất chuồng trại, hệ thống nước rửa chuồng, hệ thống quạt công nghiệp, giàn phun sương làm mát cho đàn bò trong mùa hè, theo dõi, quản lý giống theo chương trình quản lý giống Quốc gia VDM và VDA. Chăn nuôi bò sữa HF thuần áp dụng công nghệ cao đã tạo nên những thế hệ con giống chất lượng tốt, quản lý an toàn dịch bệnh, tạo ra sản phẩm hàng hoá là bước đột phá trong ngành chăn nuôi bò sữa ở Việt Nam. Việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong phối giống, vắt sữa, dinh dưỡng giúp nâng cao sản lượng sữa, năng suất bình quân hiện đạt khoảng 38 kg/con/ngày, sản lượng sữa năm 2025 đạt 45.825 tấn, tăng 11% so năm 2024.

Chăn nuôi lợn: Hình thành và phát triển chăn nuôi lợn siêu nạc tại các xã vùng thấp của tỉnh sử dụng các giống ngoại và lợn lai 3 máu, 4 máu giữa các giống

PiDu, Landrace, Yorkshire..., góp phần tăng năng suất và chất lượng sản phẩm. Đã hình thành các trang trại chăn nuôi lợn tập trung với quy mô lớn như Công ty DABACO Tuyên Quang quy mô 46.000 con; trang trại chăn nuôi lợn quy mô công nghiệp ACNOR quy mô 2.400 lợn nái và 12.000 lợn thịt; HTX sản xuất, chế biến thực phẩm an toàn Sáng Nhung quy mô 8.000 con...; một số trại đã ứng dụng các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào chăn nuôi với hệ thống chuồng nuôi hiện đại phù hợp với từng loại, lứa tuổi lợn, tự động hóa khẩu phần ăn qua phần mềm quản lý và điều khiển nhiệt độ chuồng nuôi, Hệ thống xử lý chất thải cũng được đầu tư để xử lý triệt để các chất thải trước khi thải ra môi trường thông qua hệ thống máy ép phân và hệ thống Bioga bọt, giảm thiểu tối đa lượng mùi thoát ra và nước thải ra môi trường đều đạt tiêu chuẩn theo quy định, tỷ trọng chăn nuôi tập trung trong chăn nuôi lợn hiện chiếm trên 60%. Bên cạnh đó việc phát triển chăn nuôi lợn đen tiếp tục được tỉnh tập trung triển khai tại 23 xã vùng núi cao phía Bắc, với tổng đàn đạt 168.708 con. Giống lợn đen có nguồn gen quý được bảo tồn và phát triển. Đến nay, tỉnh đã hình thành 01 chuỗi giá trị lợn đen tại xã Mèo Vạc và thu hút được 18 doanh nghiệp và hợp tác xã tham gia sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ, tỷ lệ sản lượng thịt hơi chế biến đạt 37,5%. Ngoài ra tỉnh cũng phát triển chuỗi giá trị lợn địa phương tại các xã vùng cao như giống lợn Lũng Pù, lợn Hung Bắc Mê tạo giá trị kinh tế cao.

Chăn nuôi gia cầm: Chăn nuôi gia cầm chủ yếu vẫn chăn nuôi theo nông hộ và dùng các giống gia cầm như gà Ri, gà lai chọi, vịt Bầu.....phù hợp với điều kiện, khí hậu của địa phương, bên cạnh đó có sử dụng các giống gia cầm năng suất, chất lượng đưa vào sản xuất, hầu hết các trang trại chăn nuôi (gà) với quy mô lớn đều áp dụng biện pháp đệm lót sinh học, nhằm giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện môi trường trong chăn nuôi, tạo cơ hội cho chăn nuôi phát triển bền vững như chăn nuôi gia cầm tại trang trại ông Vũ Đức Doãn, phường An Tường với quy mô 3 vạn con/lứa; trang trại chăn nuôi ông Phạm Văn Hợi, xã Sơn Dương quy mô 6.000 con/lứa và một số trang trại chăn nuôi vịt Bầu thả suối chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi giống sản xuất ở nông hộ.

Phát triển giống dê địa phương, áp dụng cách nuôi nhốt hoặc bán chăn thả, trồng cỏ, chăn nuôi theo hướng tập trung. Tổng đàn dê toàn tỉnh là 170.674 con.

Chăn nuôi ong: Chăn nuôi ong nói chung và chăn nuôi ong Bạc hà đang là một trong những ưu thế phát triển của tỉnh, tỉnh đang khai thác hiệu quả vùng cây Bạc hà tại cao nguyên đá Đồng Văn để phát triển đàn ong lấy mật dần trở thành ngành hàng đặc trưng chủ lực của tỉnh. Tổng đàn ong Bạc hà tăng từ 39.912 đàn (năm 2020) lên 49.158 đàn (năm 2025), với số hộ chăn nuôi ong từ 3.149 hộ tăng lên 3.778 hộ. Cùng với các chính sách khuyến khích phát triển nghề chăn nuôi ong, khoanh nuôi bảo vệ diện tích cây hoa Bạc hà, sản lượng mật ong Bạc Hà năm 2025 ước đạt 261 nghìn lít (tăng 103,60 nghìn lít so với năm 2020). Duy trì, phát triển ổn định với 7 chuỗi liên kết giá trị sản phẩm mật ong hoa Bạc hà thông qua hệ thống HTX và tổ hợp tác, vừa tham gia sản xuất vừa làm trung gian kết nối chế biến, tiêu thụ sản phẩm. Đến nay, có 16 cơ sở được cấp chỉ dẫn địa lý, chứng nhận VietGAP, HACCP; 15 doanh nghiệp và hợp tác xã đã được cấp chứng nhận chỉ

dẫn địa lý “mật ong Bạc hà Mèo Vạc”, góp phần củng cố thương hiệu và nâng cao giá trị mật ong hoa bạc hà Hà Giang trên thị trường

2. Giá trị sản xuất chăn nuôi

Năm 2025 giá trị sản xuất đạt 7.369,92 tỷ đồng (theo giá so sánh năm 2010), chiếm 42,2%, tổng giá trị sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh, tăng 1.4% so năm 2024; ước giá trị sản xuất chăn nuôi năm 2026 đạt 7.879,11 tỷ đồng, chiếm 43% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2026, chăn nuôi tiếp tục được triển khai, thực hiện theo kế hoạch.

3. Về môi trường chăn nuôi

- Hầu hết các trang trại chăn nuôi đều áp dụng các biện pháp xử lý chất thải (Biogas; sử dụng men vi sinh, đệm lót sinh học; ủ...). Một số cơ sở chăn nuôi áp dụng công nghệ Biogas, hệ thống máy ép phân hiện đại như: Trang trại bò sữa Tuyên Quang; trang trại chăn nuôi lợn thuộc Công ty DABACO Tuyên Quang; các mô hình sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi gia cầm tại các trang trại chăn nuôi có khoảng 70% chất thải chăn nuôi được thu gom, tái sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

- Việc áp dụng hệ thống xử lý chất thải theo quy định: tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn chăn nuôi có chuồng trại hợp vệ sinh chiếm trên 70%, trong đó:

+ Các cơ sở chăn nuôi, đặc biệt chăn nuôi quy mô từ 100 đầu gia súc, hoặc 5.000 đầu gia cầm trở lên đã áp dụng biện pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi như: Xử lý chất thải bằng hầm Biogas, sử dụng đệm lót sinh học và các chế phẩm sinh học, ủ phân truyền thống....

+ Tại các xã vùng cao phần lớn vẫn duy trì chăn nuôi theo phương thức quảng canh, truyền thống; nhiều hộ chưa chú trọng hoặc chưa có điều kiện để xây dựng chuồng trại kiên cố, chưa quan tâm đến việc xử lý ô nhiễm môi trường, chủ yếu chất thải được thu gom thành đống, hoặc hố chứa có mái che, chưa áp dụng các biện pháp xử lý triệt để.

- Đối với việc xử lý gia súc, gia cầm chết do mắc bệnh truyền nhiễm (dịch tả lợn châu phi, Cúm gia cầm) buộc phải tiêu hủy, năm 2025 có 195.384 con lợn, 7.523 con gia cầm, 100% số lợn và gia cầm mắc bệnh được xử lý bằng hình thức chôn hủy có vệ sinh khử trùng nhằm bảo đảm môi trường dưới sự hướng dẫn của cơ quan chuyên môn và sự giám sát của chính quyền địa phương.

4. Về mật độ chăn nuôi

Qua tổng hợp số liệu báo cáo của UBND các xã, phường thì ***mật độ chăn nuôi bình quân toàn tỉnh hiện là 0,32 đơn vị nuôi (viết tắt là ĐVN)/ha đất nông nghiệp***, trong đó mật độ chăn nuôi các xã, phường đa số là dưới 0,5 ĐVN/ha đất nông nghiệp; tuy nhiên có 03 xã có mật độ chăn nuôi đã vượt quy định gồm: xã Phú Lương mật độ chăn nuôi 1,31 ĐVN/ha đất nông nghiệp, xã Sơn Dương 1,33 ĐVN/ha đất nông nghiệp, xã Nhữ Khê 1,24 ĐVN/ha đất nông nghiệp (theo thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 Hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi thì mật độ chăn nuôi vùng Trung du và miền núi phía Bắc tối đa là 1,2 ĐVN/ha diện tích đất nông nghiệp).

(Có Biểu 02 chi tiết kèm theo).

II. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

Hoạt động sản xuất chăn nuôi đã góp phần không nhỏ vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong thời gian qua, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh luôn coi trọng công tác phát triển chăn nuôi, nhiều chính sách nhằm hỗ trợ phát triển chăn nuôi đã được ban hành, đặc biệt đối với việc phát triển chăn nuôi theo hướng ổn định, gia tăng giá trị, bền vững, bảo vệ môi trường luôn được xác định là một trong những mục tiêu cơ bản của phát triển nông nghiệp bền vững. Với sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền, công tác phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh thời gian qua đã được tăng cường và phát huy hiệu quả.

Công tác lập kế hoạch phát triển chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường được chú trọng; công tác tuyên truyền, giáo dục chính sách, pháp luật được quan tâm nhiều hơn. Hàng năm, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn triển khai văn bản pháp luật mới ban hành, tập huấn lại các văn bản đang được áp dụng nhằm góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong việc chấp hành các quy định của nhà nước về chăn nuôi; thường xuyên thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật về lĩnh vực. Những tiến bộ đã áp dụng trong chăn nuôi đã góp phần hạn chế được mức độ gia tăng ô nhiễm và từng bước kiểm soát chất lượng môi trường.

Bên cạnh đó môi trường kinh doanh nông nghiệp trong tỉnh (tiếp cận tín dụng) đã được cải thiện rõ rệt, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển chăn nuôi trên địa bàn. Một số công ty, doanh nghiệp đầu tư vào phát triển sản xuất chăn nuôi như: Công ty DABACO Tuyên Quang, Công ty ACNOR... đầu tư xây dựng các trang trại chăn nuôi tập trung áp dụng công nghệ cao hoặc chăn nuôi khép kín từ giống, vật tư đầu vào đến sản xuất và tiêu thụ.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, lĩnh vực chăn nuôi của tỉnh thời gian qua cũng bộc lộ một số tồn tại, hạn chế nhất định. Việc tổ chức sản xuất vẫn còn chưa tốt, thiếu tính liên kết; tổ chức triển khai kiểm soát dịch bệnh và an toàn sinh học trong chăn nuôi còn chưa hiệu quả. Việc định hướng sản xuất, kiểm soát vệ sinh thực phẩm, an toàn dịch bệnh và môi trường trong chăn nuôi nông hộ còn gặp rất nhiều khó khăn.

Việc chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất còn gặp nhiều khó khăn; bố trí nguồn lực cho chăn nuôi còn hạn chế, chưa được quan tâm đúng mức, chưa tạo đà cho chăn nuôi phát triển nhanh và bền vững. Việc quản lý các vấn đề trong chăn nuôi như con giống, thức ăn, môi trường, quản lý dịch bệnh, rủi ro, an toàn thực phẩm... chưa được chặt chẽ và còn nhiều hạn chế.

Do thị trường tiêu thụ sản phẩm còn chưa ổn định nên ảnh hưởng trực tiếp đến người sản xuất, giá bán sản phẩm thấp hơn giá thành sản xuất (từ năm 2020

đến nay giá bán trâu giống, trâu thịt thấp nên không tạo động lực cho người chăn nuôi trong việc tăng quy mô đàn).

Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tái phát cũng gây thiệt hại không nhỏ cho người chăn nuôi. Năm 2025 có đã 117/124 xã có dịch và buộc phải tiêu hủy 201.806 con lợn mắc bệnh.

2.2. Nguyên nhân

Chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ, tự phát, tận dụng là tập quán lâu đời của người dân, hạn chế rất lớn việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất chăn nuôi. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, dịch bệnh nguy hiểm trên vật nuôi như: Lở mồm long móng gia súc, Cúm gia cầm, đặc biệt bệnh Dịch tả lợn Châu Phi xảy ra ở diện rộng, diễn biến phức tạp ảnh hưởng lớn đến sản xuất chăn nuôi. Vật tư thiết yếu cho sản xuất chăn nuôi như: thức ăn, con giống, thuốc thú y... liên tục tăng trong khi giá sản phẩm chăn nuôi bấp bênh, thị trường tiêu thụ không ổn định và có sự cạnh tranh gay gắt.

Cùng với đồng cỏ thu hẹp, phương thức chăn nuôi thay đổi chuyển dần sang chăn nuôi hàng hóa, việc chuyển đổi nghề nghiệp theo cơ chế thị trường cũng là nguyên nhân dẫn đến đàn trâu giảm.

Trong công tác chỉ đạo sản xuất chăn nuôi mới quan tâm đến tăng số lượng, ít quan tâm đến chất lượng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Chưa đẩy mạnh xúc tiến thương mại; việc tìm kiếm, mở rộng thị trường mới trong tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gặp khó khăn, hạn chế. Đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống dịch vụ phục vụ sản xuất chăn nuôi chưa đáp ứng nhu cầu phát triển và nâng cao giá trị sản xuất; đặc biệt chưa xây dựng được hệ thống thu mua, bao tiêu sản phẩm chăn nuôi, làm giảm giá trị sản phẩm. Các hình thức tổ chức sản xuất (Hợp tác xã, Tổ hợp tác) còn chậm đổi mới và hoạt động kém hiệu quả; vai trò chưa rõ nét, chưa thực sự là cầu nối giữa doanh nghiệp và nông dân; việc liên kết trong chăn nuôi còn thiếu và yếu. Sản xuất chăn nuôi chủ yếu theo kinh nghiệm truyền thống, thiếu thông tin khoa học kỹ thuật và thị trường.

III. DỰ KIẾN MẬT ĐỘ CHĂN NUÔI THEO KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI ĐẾN NĂM 2030

Việc quy định mật độ chăn nuôi để điều tiết phát triển chăn nuôi giữa các địa phương trên địa bàn tỉnh nhằm phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương, kiểm soát tốt dịch bệnh, hạn chế ô nhiễm môi trường do chăn nuôi gây ra.

Căn cứ kế hoạch phát triển chăn nuôi của tỉnh đến năm 2030 (đàn trâu tăng bình quân 0,5%/năm, đàn bò tăng 2,3%/năm, đàn lợn 3,0%/năm, đàn gia cầm 5%/năm, đàn dê 0,6%/năm). Căn cứ khoản 5 Điều 53 Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14; khoản 15, Điều 3 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15; Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y; Thông tư số 94/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi; Đồng thời trên cơ sở khả năng phát triển chăn nuôi của

tỉnh giai đoạn 2026-2030 và kết cấu hạ tầng của từng địa phương để xác định mật độ chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tế, nhưng đảm bảo hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường. Tại một số địa phương có điều kiện phát triển chăn nuôi theo hướng tập trung sản xuất hàng hóa, có khả năng áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật, đặc biệt áp dụng các biện pháp xử lý chất thải để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nhưng vẫn đảm bảo mật độ chăn nuôi chung của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc (1,2 ĐVN/ha diện tích đất nông nghiệp) đồng thời hạn chế phát triển chăn nuôi tại các xã, phường là đơn vị hành chính cấp xã loại I (Theo Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân loại đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang), nơi có mật độ dân cư đông như: Phường Minh Xuân, phường An Tường, phường Bình Thuận, phường Mỹ Lâm, phường Hà Giang 1, phường Hà Giang 2; các xã: Bắc Quang, Hàm Yên, Sơn Dương, Yên Sơn, Đồng Văn, Nà Hang, Chiêm Hóa, Sơn Thủy, Yên Minh, Linh Hồ, Sơn Vĩ, Lâm Bình, Mậu Duệ, Minh Quang và các xã hiện có mật độ chăn nuôi cao như Phú Lương, Nhữ Khê.

Ngoài ra để phù hợp với quy hoạch chăn nuôi của tỉnh nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường do các hoạt động chăn nuôi gây ra, tỉnh khuyến khích phát triển chăn nuôi tại các vùng có mật độ dân cư thưa, và đưa chăn nuôi phát triển tại các xã có diện tích đất nông nghiệp rộng, mật độ chăn nuôi còn thấp, phát triển chăn nuôi gắn với việc ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào chăn nuôi để giảm ô nhiễm môi trường, hạn chế chăn nuôi ở những vùng có mật độ dân cư cao tại các phường và các xã trung tâm, trên cơ sở đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 không vượt quá 1,2 ĐVN/ha diện tích đất nông nghiệp.

Sở Nông nghiệp và Môi trường trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (Báo cáo);
- Các Sở, ban ngành;
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Các Phó GD Sở;
- Lưu: VT, CNTYTS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trịnh Văn Bình

